

TỪ NGỮ XUNG HỒ TRONG THƠ CA DÂN GIAN NAM BỘ

ThS HUỲNH KIM TƯỜNG VI*

ThS THACH THI HOÀNG NGÂN*

Đặt vấn đề

Trong thơ ca dân gian Nam Bộ, từ ngữ thuộc trường ngữ nghĩa xung hồ phong phú về số lượng, đa dạng về kiểu loại, nguồn gốc. Ngoài những từ xung hồ từ vốn từ toàn dân như *anh, chị, em, con, cháu, ông, bà, nó, hấn, y, thị...* còn xuất hiện khá nhiều những từ xung hồ mang đặc trưng địa phương Nam Bộ như *qua, bậu, tía, má, nậu, bậy, tụi bậy, ổng, ảnh, cổ...* và một số từ xung hồ cũ như *chàng, thiếp*. Vì thế qua việc tìm hiểu trường ngữ nghĩa về xung hồ trong thơ ca dân gian Nam Bộ chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về thói quen nói năng, văn hoá ứng xử và sắc thái địa phương Nam Bộ, tạo nên một nét đặc trưng cho thơ ca dân gian của vùng đất này.

1. Phân loại từ ngữ thuộc trường ngữ nghĩa xung hồ trong thơ ca dân gian Nam Bộ

Tư liệu khảo sát của chúng tôi bao gồm 3 công trình: *Ca dao - dân ca Nam Bộ*, *Ca dao - dân ca Nam Kỳ lục tỉnh* và *Ca dao - dân ca Đồng bằng Sông Cửu Long*. Kết quả khảo sát trong thơ ca dân gian Nam Bộ, số lượng từ ngữ thuộc trường ngữ nghĩa xung hồ là 6878 từ và được chúng tôi phân thành hai nhóm lớn: nhóm đại từ xung

hồ chuyên dụng và nhóm từ ngữ xung hồ lâm thời.

1.1. Nhóm đại từ xung hồ chuyên dụng trong thơ ca dân gian Nam Bộ

Qua khảo sát thơ ca dân gian Nam Bộ, chúng tôi thấy nhóm từ xung hồ bằng đại từ bao gồm hai nhóm nhỏ: nhóm đại từ xung hồ toàn dân (*tôi, nó, ta, mình, mày, tao,...*) và nhóm đại từ xung hồ địa phương (*qua, bậu,...*)

1.1.1. Nhóm đại từ xung hồ toàn dân

Trong nhóm đại từ xung hồ toàn dân, có những đại từ rất quen thuộc như *tao, mày (mầy), ta, mình,...* Đây là những đại từ xuất hiện thường xuyên trong ca dao người Việt nói chung. Điều đó cho thấy, đại từ xung hồ trong thơ ca dân gian Nam Bộ vẫn nằm trong nền chung thống nhất của hệ thống đại từ xung hồ trong tiếng Việt toàn dân. Thí dụ:

*Con của kênh còng bò ngang
đám bí*

*Thấy chị Hai mày, tao để ý tao
thương.*

[2, 237]

* Trường Đại học Đồng Tháp

Con cút cụt đuôi ai nuôi mày lớn

Dạ thưa bà, con lớn mình ên

[2, 484]

Như vậy, đại từ xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ có nhiều từ thuộc hệ thống từ xưng hô trong tiếng Việt toàn dân. Tuy nhiên, dù nằm trong vốn từ xưng hô toàn dân nhưng khi đi vào thơ ca dân gian Nam Bộ, những từ xưng hô này vẫn có những nét khác biệt về ngữ âm hoặc sắc thái ý nghĩa, thể hiện đặc trưng trong cách xưng hô của người Nam Bộ so với những vùng miền khác. Chẳng hạn, từ *mày* trong tiếng Việt toàn dân được đổi thành *mây*, từ *tôi* thành *tui*. Riêng từ *tui*, dù là biến thể của *tôi* nhưng so với *tôi*, *tui* vẫn có sự khác biệt. Khác với *tôi* trong phương ngữ Bắc Bộ, đại từ *tui* trong thơ ca dân gian Nam Bộ không chỉ được sử dụng như một đại từ mang sắc thái biểu cảm trung hoà mà còn được sử dụng như một đại từ mang sắc thái khiêm nhường và thân mật để xưng với nhiều vai giao tiếp. Thí dụ:

- *Tui* được sử dụng để xưng hô với em:

Đường đi chân trượt bờ sình

*Trợt ba bốn cái chẳng thấy mình
đỡ tui*

Em đừng nói ngược nói xuôi

Trợt ba cái trợt có tui đỡ liền.

[2, 271]

- *Tui* được sử dụng để xưng hô với mình:

Năm giờ, đồng hồ gõ, mặt trời lui

*Chim kêu, trống chùa đánh, chắc
là tui xa mình.*

[2, 327]

Rông giao đầu, phụng giao đuôi

*Nay tui hỏi thiệt, mình có thương
tui không mình?*

[2, 362]

- *Tui* được sử dụng để xưng hô với anh:

Tàu chìm còn nổi giàn mui

*Anh liệu thương đặng mình tui,
tui chờ.*

[2, 372]

Tui trong thơ ca dân gian Nam Bộ có thể xưng hô với những đối tượng giao tiếp có địa vị và tuổi tác cao hơn mà không hề bị coi là xúc phạm, hỗn láo ngược lại hoàn toàn mang sắc thái thân mật, gần gũi. Có lẽ bởi từ *tui* trong thơ ca dân gian Nam Bộ vẫn còn lưu giữ nghĩa gốc của từ *tôi* vốn có nghĩa chỉ kẻ tôi tớ, hèn mọn. Nếu như hiện nay, *tôi* đã được người Việt Bắc Bộ sử dụng như một đại từ xưng hô mang sắc thái trung hoà, trong một số tình huống giao tiếp, nhất là trong sinh hoạt đời thường giữa những người thân thiết thì việc sử dụng đại từ này để xưng hô với người lớn tuổi hoặc người có địa vị cao hơn thì có thể bị coi là hành vi xúc phạm, hỗn láo. Như vậy, ý nghĩa sắc thái ban đầu của từ *tôi* đã có sự biến đổi. Trong khi đó, nó vẫn được lưu giữ ở từ *tui* trong thơ ca dân gian Nam Bộ, thể hiện sự khiêm nhường theo đúng nguyên tắc “xưng khiêm, hô tôn” của người Việt. Về điểm này, từ *tui* trong thơ ca dân gian Nam Bộ rất gần gũi với từ *tui* trong xưng hô của người miền Trung. Trong công trình *Từ địa phương Nghệ Tĩnh về một khía cạnh ngôn ngữ văn hoá*, khi phân tích những nét khác biệt trong xưng hô của người miền Trung với các vùng

miền khác, Hoàng Trọng Canh đã nhận định: “Trong phương ngữ Nghệ Tĩnh, *tui* là biến thể ngữ âm, tương ứng với *tôi*. Nhưng trong cách dùng của người Nghệ Tĩnh cũng như sắc thái biểu cảm của từ, *tui* khác *tôi* rất rõ. Con cái có thể xưng *tui* với cha, mẹ, ông, bà và những người lớn tuổi hơn mình, với sắc thái biểu cảm không trung tính như *tôi*” [1, 239]. Đó có thể chính là dấu tích của sự lan truyền ngôn ngữ từ miền Trung vào miền Nam mà nguyên nhân là do những cuộc di dân từ Thanh - Nghệ Tĩnh vào phía Nam.

Ngoài những đại từ xưng hô thuộc ngôn ngữ toàn dân đã được nêu trên, trong thơ ca dân gian Nam Bộ còn có sự xuất hiện của những đại từ xưng hô cổ như *chàng*, *nàng*, *thiếp*. Đây là một điểm thể hiện sự gặp gỡ giữa thơ ca dân gian Nam Bộ và thơ ca dân gian của các vùng miền khác. Sự xuất hiện của những từ xưng hô này trong các sáng tác thơ ca dân gian Nam Bộ đã góp phần thể hiện sự phong phú, đa dạng của từ xưng hô trong tiếng Việt nói chung, phương ngữ Nam Bộ nói riêng. Thí dụ:

*Thục nữ ơi, nàng hỡi nàng
Ghi xương khắc cốt lời vàng hôm nay.*

[2, 385]

*Chàng sao tẻ lấm bớ chàng
Đêm khuya nguyệt lặn hoa tàn
đợi trông.*

[2, 213]

*Chàng đi cắt hàng cho nàng đơm
đệm*

Mãn mua rồi bán đệm chia hai.

[2, 213]

Như vậy, dù có nhiều đại từ thuộc vốn từ xưng hô trong tiếng Việt toàn dân nhưng những đại từ ấy trong thơ ca dân gian Nam Bộ vẫn có những đặc trưng riêng về cách phát âm, về sắc thái ý nghĩa, và do đó, nó vẫn thể hiện được dấu ấn Nam Bộ một cách rõ nét.

1.1.2. Nhóm đại từ xưng hô địa phương

Đối với những đại từ xưng hô địa phương, trong thơ ca dân gian Nam Bộ, những đại từ này xuất hiện khá nhiều lần, thể hiện rõ nét dấu ấn địa phương như các từ *qua*, *bậu*. Có thể nói, *qua*, *bậu* là hai đại từ xưng hô đặc trưng của miền đất Nam Bộ. Trong nhiều sáng tác, *qua* và *bậu* xuất hiện với mật độ dày đặc. Trong ba tập thơ ca dân gian Nam Bộ đã được chúng tôi lựa chọn làm tư liệu khảo sát, chúng tôi thấy, từ *bậu* xuất hiện 260 lần, từ *qua* xuất hiện 176 lần. Thí dụ:

*Bậu nói với qua, bậu không bẻ
lưu hái đào*

*Chớ đào đâu bậu bọc, lưu nào
bậu cầm tay?*

[2, 185]

*Bậu nói với qua, bậu không lang
chạ*

*Bắt đặng bậu rồi, đành dạ bậu
chưa?*

[2, 18]

*Trách mẹ với cha chứ qua không
trách bậu*

Cha mẹ ham giàu gà bậu đi xa.

[2, 40]

Qua về bán ruộng cây đa

*Bán cả đất nhà cưới chẳng đặng
em.*

[2, 35]

Bậu có chồng chưa, bậu thưa
cho thiệt

Kéo anh làm tội nghiệp cho anh.

[2, 183]

Hay đau khổ, trách hờn người yêu:

Trách lòng bậu cứ đẩy đưa

*Gạt anh dãi nắng, dầm mưa
nhọc nhằn.*

[2, 400]

Hoặc thể hiện nổi da diết, nhớ
mong:

Bướm xa hoa, bướm dật, bướm dờ

*Anh đây xa bậu, đêm chờ ngày
trông.*

[2, 199]

Trong ca dao Nam Bộ, *qua* thường đi thành cặp với *bậu* (xưng hô ngang hàng) hoặc đi với *em*. Bậu có thể đi với *qua* hoặc với *anh*, đây là hai đại từ nhân xưng chỉ được sử dụng ở Nam Bộ và Nam Trung bộ, không dùng ở Bắc Bộ. Do vậy, khi xuất hiện trong thơ ca dân gian Nam Bộ, từ xưng hô này đã góp phần tích cực trong việc thể hiện bản sắc vùng miền, thói quen nói năng, xưng gọi của người dân Nam Bộ, tạo cho lời thơ trong các sáng tác dân gian gần gũi hơn, quen thuộc hơn, chân thực hơn với lời ăn tiếng nói của người bản địa.

1.2. Nhóm danh từ xưng hô lâm thời

Bên cạnh đại từ nhân xưng, trong thơ ca dân gian Nam Bộ còn có sự xuất hiện của khá nhiều danh từ xưng hô lâm thời. Đó là các từ xưng hô có nguồn gốc danh từ thân tộc, danh từ chỉ nghề nghiệp, danh từ chỉ bộ phận, quan hệ hay tên riêng của con người,...

Qua khảo sát, chúng tôi thấy có một số danh từ thường xuyên được sử dụng để xưng hô (trong thơ ca dân gian Nam Bộ) đó là: *cha, mẹ, tía, má, con, anh, chị, em, cô, ông, bà,...* Trong đó chỉ có một số từ như *anh, chị, cô, bà, tía* và *má* là những danh từ thân tộc dùng để xưng hô mang đậm sắc thái vùng miền Nam Bộ. Các từ xưng hô vốn là danh từ thân tộc thuộc ngôn ngữ toàn dân cũng được sử dụng, tuy nhiên chúng vẫn còn có những nét khác biệt về phạm vi ngữ nghĩa và sắc thái biểu cảm.

Như vậy, cũng giống như nhóm đại từ xưng hô, nhóm danh từ xưng hô lâm thời trong thơ ca dân gian Nam Bộ có thể chia thành hai nhóm: nhóm danh từ xưng hô lâm thời trong tiếng Việt toàn dân và nhóm danh từ xưng hô lâm thời của địa phương Nam Bộ.

1.2.1. Nhóm danh từ xưng hô lâm thời trong tiếng Việt toàn dân

Đối với nhóm danh từ xưng hô lâm thời trong tiếng Việt toàn dân, chúng tôi thấy, có hai cặp từ xưng hô xuất hiện thường xuyên trong thơ ca dân gian Nam Bộ, nhất là trong những bài ca về tình yêu lứa đôi, đó là cặp từ *anh - em*. Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, từ *anh* xuất hiện 1611 lần, từ *em* xuất hiện 1456 lần. Nếu như cặp đại từ nhân xưng *qua - bậu* tạo nên sự gần gũi, thân mật và sắc thái địa phương rõ nét thì cặp danh từ xưng hô lâm thời *anh - em* lại thể hiện sắc thái tình cảm lứa đôi thân thương, trìu mến hơn. Có lẽ vì thế mà trong thơ ca dân gian Nam Bộ, *qua - bậu* có thể xưng hô đối với cả những cặp nam nữ mới gặp mặt và những đôi lứa đang yêu, còn *anh - em* thì dường

như chỉ dùng để xưng hô khi đôi lứa yêu nhau, gắn bó với nhau. Đây chính là điểm khác biệt trong cách sử dụng của cặp danh từ xưng hô lâm thời này trong thơ ca dân gian Nam Bộ so với những vùng miền khác. Thí dụ:

Cây kiếng trồng rào khắp xung quanh

Tại vì anh vô ý cây kiếng đương xanh nó vội tàn

Anh gặp em đây đứng lại giữa đàng

Muốn phân nhơn ngãi, em ngỡ ngang khó phân.

[2, 209]

Sơn cách thủy cách, lòng em không cách

Đường xa dặm xa, nhơn ngãi em không xa

Đi đâu anh nhớ ghé lại nhà

Trước viếng phụ mẫu, sau là thăm em,

[2, 187]

Một điều khác biệt nữa là trong thơ ca dân gian Nam Bộ, các danh từ xưng hô lâm thời nếu được sử dụng thì luôn đi kèm với thứ tự sinh của đôi tượng được nhắc đến như *cô Năm, anh Bảy, chị Hai, ông Sáu, bà Tám,...* Vì vậy, dù sử dụng những danh từ xưng hô thuộc tiếng Việt toàn dân nhưng người ta vẫn nhận thấy dấu ấn Nam Bộ rõ nét trong những sáng tác dân gian của vùng đất này. Thí dụ:

Vái Trời cưới được cô Năm

Làm chay bảy ngọ, mười lăm ông thầy.

[2, 413]

Con kiến vàng bò ngang lá bí

Thấy chị Hai cười thâm ý anh thương.

[2, 238]

Đứng xa kêu bớ anh Mười

Thương không, anh nói thiệt chớ đừng cười đẩy đưa.

[2, 271]

Trong giao tiếp, người ta thường dùng kết hợp “danh từ thân tộc + các đại từ chỉ định (ấy)” để chỉ nhân vật ở ngôi thứ ba. Ở phương ngữ Nam Bộ, sự kết hợp này cũng diễn ra một cách phổ biến. Tuy nhiên, trong phát âm, các kết hợp kiểu này đã được người Nam Bộ “nói gộp” thành *ổng, bà, ảnh, chi, cô, dì, dượng*. Thậm chí, cả những danh từ chỉ người (*thằng, con*), danh từ chỉ nghề nghiệp (*thầy*) cũng được người Nam Bộ kết hợp theo câu trúc nêu trên để xưng hô trong giao tiếp (*thằng, con, thầy*). Có thể nói, đây là một điểm đặc trưng trong thói quen xưng hô của người Nam Bộ. Và thơ ca dân gian Nam Bộ đã phản ánh rõ nét đặc trưng này thể hiện qua việc dung nạp rất nhiều các đại từ xưng hô nêu trên. Thí dụ:

Em thương anh hết sức thương, nhớ hết sức nhớ

Gặp anh vô có em chẳng dám nhìn

Sợ chị lớn ở nhà chỉ sanh tâm biến tánh, hốt hòa lòi đình

Chi rình ngã ba, chi đón ngã bảy, không biết chết mình hay hại em.

[2, 278]

Ngoài những danh từ xưng hô lâm thời nêu trên, trong thơ ca dân gian Nam Bộ còn xuất hiện những danh từ xưng hô lâm thời là các từ Hán Việt như *phu quân, quân tử, phụ mẫu*. Thí dụ:

Ai làm con vịt xa chuồng

Để cho quân từ bữa buồn, bữa lo.

[2, 155]

Bấy lâu em còn nghi, còn ngại

Bữa nay em kêu đại bằng mình

*Phụ mẫu hay đặng, không lẽ đánh
mình, giết em?*

[2, 371]

Phu quân ơi, bỏ bạn sao đành

*Dưới sông cá lội, trên nhành
chim kêu.*

[2, 356]

Như vậy, nhóm danh từ xưng hô trong tiếng Việt toàn dân xuất hiện khá nhiều trong thơ ca dân gian Nam Bộ. Bên cạnh những điểm tương đồng, những danh từ này có đôi chút khác biệt, thể hiện rõ dấu ấn Nam Bộ.

1.2.2. Nhóm danh từ xưng hô lâm thời của địa phương Nam Bộ

Ngoài nhóm danh từ xưng hô lâm thời trong tiếng Việt toàn dân, nhóm danh từ xưng hô lâm thời mang đặc trưng địa phương Nam Bộ cũng xuất hiện khá nhiều trong thơ ca dân gian của vùng đất này. Nhóm từ xưng hô này bao gồm các từ *tía, má, nội, ngoại*. Sự xuất hiện của nhóm từ xưng hô này trong thơ ca dân gian Nam Bộ vừa có tác dụng tô đậm bản sắc vùng miền, đồng thời, khẳng định thêm sự phong phú của hệ thống từ xưng hô của tiếng Việt. Thí dụ:

Má ơi con má hư rồi

Còn đâu má gả má đòi bạc trăm.

[5, 424]

Con cò nó mổ con lươn

Bớ chị ghe lườn muốn tía tôi không?

Tía tôi lịch sự quá chừng

*Cái lưng mồi thích cái đầu chom
bom.*

[2, 461]

Như vậy, có thể thấy, trong thơ ca dân gian Nam Bộ, nhóm danh từ xưng hô lâm thời có tần số xuất hiện cao. Cũng như các đại từ nhân xưng, nhóm danh từ xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ vừa có điểm tương đồng, vừa có điểm khác biệt so với từ xưng hô trong vốn từ tiếng Việt toàn dân về phạm vi sử dụng, sắc thái biểu cảm. Những từ ngữ trong trường ngữ nghĩa xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ có thể coi là minh chứng rõ nhất về sự phong phú và đa dạng của tiếng Việt.

2. Cách sử dụng từ xưng hô và vai trò của trường ngữ nghĩa về xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ

2.1. Cách sử dụng từ xưng hô của người Nam Bộ thể hiện qua thơ ca dân gian Nam Bộ

Vốn gần bó máu thịt với đời sống của người bình dân, không được mài giũa, chất lọc công phu nên so với ngôn ngữ thơ ca hiện đại, ngôn ngữ của thơ ca dân gian ít nhiều có nét giản dị, mộc mạc, chất phác và trong sáng hơn. Ngôn từ trong các sáng tác dân gian có rất ít những kiểu kết hợp lạ, những mật ngữ, ẩn ngữ mà mộc mạc, dễ hiểu như lời ăn tiếng nói hàng ngày của người bình dân. Chính vì vậy, thông qua thơ ca dân gian, người ta có thể hiểu hơn về cách nói năng của người bình dân trong cuộc sống hàng ngày. Trong dòng chảy chung của thơ ca dân gian dân tộc, thơ ca dân gian ở mỗi vùng miền thể hiện thói quen nói năng của người dân ở từng địa phương. Cũng chính vì thế, qua

trường ngữ nghĩa trong thơ ca dân gian Nam Bộ, có thể hiểu rõ hơn về cách xưng hô trong giao tiếp của người dân nơi đây.

Tìm hiểu thơ ca dân gian Nam Bộ, chúng tôi thấy, khi xưng hô trong giao tiếp, người Nam Bộ có thói quen kết hợp giữa nhóm từ xưng hô có nguồn gốc là danh từ thân tộc và nhóm từ biểu hiện thứ tự sinh. Nhìn vào cách xưng gọi ở nơi đây, có thể biết được thứ tự sinh của từng thành viên trong gia đình. Thí dụ:

Cô Ba, cô Bảy có chồng

Xe hơi chạy trước, ngựa hồng chạy sau.

[2, 433]

Làm sao bậu vào cửa má Ba,

Bạc tiền bậu thiếu, má tính là bao nhiêu.

[3, 240]

Bên cạnh đó, khi xưng hô trong giao tiếp, người Nam Bộ thường có thói quen nói gộp. Thay vì gọi ngôi thứ ba số ít bằng cách kết hợp từ xưng hô với đại từ *ấy* (*cô ấy, anh ấy, bà ấy, ông ấy, ...*), người Nam Bộ dùng cả một loạt từ kiêu: *cô, anh, bà, ông, chi, ...* Thí dụ:

Tiểu công anh lau đĩa chùi bình

Cây mai dong tới nói, ba má nhìn bà con

Trời mưa nhà thiếc dột lon ton

Ông bà không thương nên nói vậy chớ bà con đâu mà nhìn.

[2, 390]

Ngoài ra, ở Nam Bộ, cách xưng hô trong giao tiếp ở gia đình cũng như ngoài xã hội dường như có xu hướng bình dân hơn, không nhất thiết phải

tuân theo tôn ti, trật tự bắt buộc như ở Bắc Bộ. Lẽ ra phải xưng *cháu* với *cô, dì, chú, bác, ông, bà* thì người Nam Bộ lại xưng *con*. Ngay ở ngoài xã hội, người lớn tuổi cũng không gọi người nhỏ tuổi bằng *cháu* mà thường gọi *con*. Thậm chí, có thể kết hợp *con* với thứ tự sinh của người được nhắc tới để xưng hô một cách hết sức gần gũi. Phải chăng, khuynh hướng gia tộc hoá cách xưng hô trong xã hội ở phương ngữ Nam Bộ mạnh hơn ở phương ngữ Bắc Bộ? Thí dụ:

Sớm mai đi chợ Gò Vấp,

Mua một xấp vải đem về,

Con Hai nó cắt,

Con Ba nó may,

Con Tư nó dệt,

Con Năm nó viên,

Con Sáu đơm nút,

Con Bảy vắt khuy,

Anh bước cẳng ra đi,

Con Tám níu, con Chín trì,

Ói Mười ơi! Sao em để vậy còn gì áo anh?

[2, 449]

Như vậy, có thể nói, nếu như trường ngữ nghĩa trong thơ ca dân gian Nam Bộ thể hiện cách ứng xử hết sức gần gũi, hài hoà, thân thiện của người Nam Bộ với môi trường tự nhiên thì trường ngữ nghĩa xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ lại thể hiện cách ứng xử hết sức hài hoà, thân thiện, gần gũi, bình dị của người Nam Bộ trong gia đình và xã hội.

2.2. Vai trò của trường ngữ nghĩa về xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ

Trường ngữ nghĩa về xưng hô có vai trò hết sức quan trọng trong thơ ca dân gian Nam Bộ.

Trước hết, trường ngữ nghĩa xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ đã phản ánh chân thực thói quen nói năng của người dân Nam Bộ. Toàn bộ những thói quen xưng hô trong giao tiếp của người Nam Bộ đã được biểu hiện đầy đủ trong thơ ca dân gian Nam Bộ.

Thứ hai, thông qua trường ngữ nghĩa xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ, người đọc có thể hiểu hơn về văn hoá ứng xử của người Nam Bộ trong gia đình và xã hội. Trong giao tiếp, người Nam Bộ có cách ứng xử bình dân, gần gũi và thân mật hơn, ít chú trọng vào vai vế, tôn ti như người Bắc Bộ. Nói cách khác, thông qua trường ngữ nghĩa xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ, một nét sắc thái văn hoá Nam Bộ đã được biểu hiện khá rõ.

Thứ ba, hệ thống từ ngữ trong trường ngữ nghĩa xưng hô của người Nam Bộ khá gần gũi với hệ thống từ xưng hô ở Trung Bộ. Cách xưng hô *tui, bậy, di, dương, cậu...* và phạm vi sử dụng của những từ xưng hô này gần như trùng khít với phạm vi sử dụng của những từ xưng hô này ở Trung Bộ, đây có thể là dấu tích của sự lan truyền ngôn ngữ do những cuộc di dân từ Bắc Trung Bộ vào Nam Bộ trong lịch sử. Và thơ ca dân gian Nam Bộ đã thể hiện rõ điều này.

Thứ tư, sự đa dạng và phong phú của những từ ngữ trong trường ngữ nghĩa xưng hô ở thơ ca dân gian Nam Bộ đã phản ánh chân thực sự đa dạng và phong phú của vốn từ xưng hô trong tiếng Việt. Đồng thời, hệ thống từ ngữ xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ đã góp phần làm giàu thêm vốn từ xưng hô của tiếng Việt.

Thứ năm, từ ngữ trong trường ngữ nghĩa xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ đã phản ánh rõ nét những cung bậc cảm xúc, tâm tư, tình cảm của người dân Nam Bộ. Cũng như người Việt trên mọi miền đất nước, tùy vào mức độ thân sơ, gần gũi mà người Nam Bộ có thể lựa chọn từ xưng hô cho phù hợp. Sự lựa chọn từ xưng hô trong những sáng tác thơ ca dân gian về tình yêu đôi lứa có thể coi là minh chứng tiêu biểu cho điều này. Chẳng hạn, khi đôi lứa chưa thực sự gắn bó, cách xưng hô được ưa dùng nhất là cách sử dụng đại từ phiếm chỉ *đó và đây*. Thí dụ:

*Gió đưa nước, nước xao dòn dòn
Gió đưa mây, mây chạy dạt dờ
Đó với đây duyên nợ đã sờ sờ
Sao còn thủ tiết mà chờ trông ai.*

[5, 403]

*Gió hiu hiu chín chiều ruột thắt
Nhìn sao bên bắc, nước mắt chảy
bên đông*

*Ai xui chi vợ vợ chồng chồng
Biết đây với đó tơ hồng có se.*

[5, 403]

Khi đôi lứa đã thực sự gắn bó, cách xưng hô được sử dụng nhiều nhất là cách xưng hô sử dụng những cặp từ chỉ sự gắn bó, gần gũi của đôi lứa như *anh - em, qua - bậu, anh - bậu, qua - em, chàng - thiếp, chàng - nàng, mình - ta, tôi - mình*. Vốn là những người dân chất phác, tình cảm nên dù khi yêu thương, giận hờn hay trách móc, từ xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ vẫn hết sức gần gũi, thân mật. Chẳng hạn, đây là từ xưng hô trong những lời ca yêu thương, tình nghĩa:

*Qua với bậu thương nhau dĩ bỏ
Nói ra bờ ngõ để bụng sợ đau
Dầu cho không trước thời sau*

*Nguyện lòng chung hiệp bỏ nhau
sao đành.*

[2, 568]

Có lúc, cách xưng hô lại:
*Qua thương bậu lắm bậu ơi!
Cả chết vì mỗi khốn nạn thân qua.*

[2, 359]

Và đây là từ xưng hô trong những
câu ca dao - dân ca đây gần hờn, trách
móc:

*Qua than với bậu hết lời
Đừng tham núi ngọc mà dờn
non tiên.*

[2, 359]

*Bậu nói với qua bậu không lang
chạ
Bắt được bậu rồi đành dạ bậu
chưa?*

[2, 185]

Như vậy, qua trường ngữ nghĩa
xưng hô trong thơ ca dân gian Nam
Bộ, chúng tôi thấy, trường ngữ nghĩa
này có vai trò quan trọng trong việc
phản ánh thói quen nói năng, văn hoá
ứng xử của người dân nơi đây trong
giao tiếp, đồng thời, biểu hiện những
sắc thái cảm xúc, tâm trạng hết sức
tinh tế của người Nam Bộ, tạo nên
nét đặc sắc riêng của thơ ca dân gian
vùng đất phương Nam.

Kết luận

Qua khảo sát và phân tích, chúng
tôi nhận thấy rằng đối với nhóm từ
xưng hô thuộc vốn từ xưng hô toàn
dân, khi đi vào thơ ca dân gian Nam
Bộ, ngoài những nét tương đồng thì
vẫn có những nét khác biệt về sắc thái
ý nghĩa, phạm vi sử dụng. Nhờ vậy,
dù là những từ xưng hô thuộc vốn từ
xưng hô toàn dân nhưng khi đi vào
thơ ca dân gian Nam Bộ, những từ này
vẫn thể hiện rõ bản sắc riêng đậm chất
phương Nam. Đối với nhóm từ xưng
hô địa phương, tần số xuất hiện khá
cao và thể hiện rõ nét bản sắc văn hoá
của Nam Bộ. Trường ngữ nghĩa về

xưng hô trong thơ ca dân gian Nam
Bộ cũng đã thể hiện rõ thói quen nói
năng, văn hoá ứng xử và của người
Nam Bộ, tạo nên một nét đặc trưng
cho thơ ca dân gian của vùng đất này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng Canh, *Nghiên cứu đặc điểm lớp từ địa phương Nghệ Tĩnh*, Luận án Tiến sĩ ngôn ngữ học, ĐH KHXH & NV H., 2001.
2. Bảo Định Giang (chủ biên), Nguyễn Tấn Phát, Trần Tấn Vĩnh, Bùi Mạnh Nhị, *Ca dao dân ca Nam Bộ*, Nxb Tp HCM, 1984.
4. Huỳnh Ngọc Trảng, *Ca dao dân ca Nam kì lục tỉnh*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2006.
3. Nguyễn Thế Truyền, *Cách xưng hô của người Nam Bộ*, T/c Ngôn ngữ & đời sống, Số 10, 1999.
5. Khoa Ngữ Văn - Đại học Cần Thơ, *Văn học dân gian đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb GD, H., 1997.

SUMMARY

Address terms in Southern Folklore Poetry have relatively high occurrences and they have both similarities and differences when compared with Vietnamese address terms in terms of usage and modalities. Address terms in Southern Folklore Poetry can be classified into two main groups: typical address terms and temporary address terms. The typical address terms have mostly been derived from common Vietnamese pronouns but have differences in tones and pronunciations, while the temporary address terms have been associated with local nouns. This shows the features of the cultures and the people in the South. The study therefore has highlighted the usage of address terms as well as confirmed the important role of address terms in Southern folklore poetry.